

Bản án số: 890/2026/DS-ST
Ngày: 05/05/2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Cơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Võ Thị Thanh Thảo.**

2. Ông **Phạm Văn Tuyên.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Cường** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Võ Kim Cường** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 05 năm 2026, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 784/2026/TLST-DS ngày 06/03/2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1230/2026/QĐXXST-DS ngày 06/04/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S**; địa chỉ: 2 N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S (Công ty S1).

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S: Ông Phan Tấn D1 – Chức vụ: Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc. Địa chỉ: 2 N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Gia T, sinh năm 1971; Địa chỉ: 2 N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Hữu T1**, sinh năm: 1994; địa chỉ: B tổ B, ấp C, xã T (nay là ấp B, xã B), Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông Trần Gia T và ông Nguyễn Hữu T1 đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S có người đại diện hợp pháp là ông Trần Gia T trình bày:

Ngày 27/09/2022, ông T1 có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 19.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Cụ thể như sau:

Loại thẻ	Số thẻ	Hạn mức	Ngày ký hợp đồng	Lãi suất áp dụng
Visa	472074 - 7335	19,000,000	27/09/2022	2.766%/tháng

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 28.933.330 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 16.284.330 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- + Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước;
- + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước;
- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước;
- + Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ;
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ;
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), nên ngày 11/10/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 21.078.060 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Do ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu ông T1 phải trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 05/05/2026 là: 48.421.698 đồng. Cụ thể là:

Loại thẻ	Số thẻ	Nợ gốc	Lãi quá hạn	Lãi suất áp dụng
Visa	472074 - 7335	21.078.060đ	27.343.638đ	4.149%(2.766% x 150%)

Mặc dù, Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông T1, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông T1 vẫn chưa thanh

toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đề nghị tòa án giải quyết:

Buộc ông Nguyễn Hữu T1 phải trả ngay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền tạm tính đến ngày 05/05/2026 là 448.421.698 đồng (bốn mươi tám triệu bốn trăm hai mươi một nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng) trong đó: Nợ gốc : 21.078.060 đồng; Lãi quá hạn: 27.343.638 đồng. Đồng thời, có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 06/05/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất qui định tại Hợp đồng.

Ngoài ra, ông Trần Gia T không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

- *Tại bản tự khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Nguyễn Hữu T1 trình bày:*

Ngày 27/09/2022, ông Nguyễn Hữu T1 có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 19.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân theo như đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là đúng sự thật. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Nguyễn Hữu T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 28.933.330 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ đến nay ông Nguyễn Hữu T1 đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền là 16.284.330 đồng. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình kinh tế, công việc làm ăn gặp nhiều khó khăn, nên ông Nguyễn Hữu T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ với bên Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, ông Nguyễn Hữu T1 xác nhận đến ngày 05/05/2026 ông Nguyễn Hữu T1 còn nợ Ngân hàng số tiền là 48.421.698 đồng. Trong đó, số tiền nợ gốc là: 21.078.060 đồng; nợ lãi quá hạn số tiền là: 27.343.638 đồng.

Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đề nghị ông Nguyễn Hữu T1 trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi nêu trên một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì ông Nguyễn Hữu T1 hoàn toàn đồng ý. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị phía Ngân hàng TMCP S xem xét giảm một phần lãi cho ông Nguyễn Hữu T1.

Ngoài ra, ông Nguyễn Hữu T1 không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu T1. Về án phí dân sự: Bị đơn ông Nguyễn Hữu T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu T1, ông Nguyễn Hữu T1 có nơi cư trú tại: B tổ B, ấp C, xã T (nay là ấp B, xã B), Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025) thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Cả người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Gia T và bị đơn ông Nguyễn Hữu T1 đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Gia T và ông Nguyễn Hữu T1 theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025).

[3] Về thời hiệu khởi kiện của vụ án: Do không có đương sự nào đề nghị áp dụng thời hiệu, căn cứ quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không xem xét về thời hiệu đối với vụ kiện này.

[4] Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch dân sự của các bên đương sự đang thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[5] Xét thấy các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp mà bị đơn không có phản đối do đó căn cứ theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì nguyên đơn không cần phải chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025) thì đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải chứng minh sự phản đối đó là có căn cứ và phải đưa ra chứng cứ để chứng minh. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đầy đủ chứng cứ thì phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được hoặc chứng minh không đầy đủ đó.

[6] Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn và bị đơn cung cấp để xét xử vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo nội dung hợp đồng mà phía nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Gia T và bị đơn ông Nguyễn Hữu T1 thì ngày 27/09/2022, ông Nguyễn Hữu T1 có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, hạn mức tín dụng là 19.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.766%/tháng (lãi suất trong hạn). Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là: 28.933.330 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền: 16.284.330 đồng. Như vậy, nội dung hợp đồng mà các bên xác lập thể hiện sự thỏa thuận tự nguyện của các bên và không trái quy định pháp luật nên có hiệu lực, phù hợp với các quy định tại Điều 117, Điều 463 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

Mặc dù phía Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 11/10/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn

thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 05/5/2026, ông Nguyễn Hữu T1 còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần S các khoản sau: số tiền nợ gốc là: 21.078.060đồng; nợ lãi quá hạn số tiền là: 27.343.638 đồng, tổng cộng là: 48.421.698 đồng.

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc: 21.078.060đồng với lãi suất quá hạn là 4.149% ($2.766\% \times 150\%$) từ ngày Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn ngày 11/10/2023 cho đến hiện tại. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là: 21.078.060đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại.

Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đề nghị Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu T1:

Buộc ông Nguyễn Hữu T1 phải trả ngay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền tạm tính đến ngày 05/5/2026 là: 448.421.698 đồng (bốn mươi tám triệu bốn trăm hai mươi một nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng) trong đó: Nợ gốc : 21,078,060 đồng; Lãi quá hạn: 27.343.638 đồng. Đồng thời, buộc ông Nguyễn Hữu T1 có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 06/05/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Hữu T1 cũng thừa nhận có ký kết hợp đồng, sử dụng thẻ tín dụng do Ngân hàng cung cấp và hiện nay còn nợ tiền của Ngân hàng theo như đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Nay phía nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi theo như hợp đồng tín dụng thì ông T1 cũng đồng ý trả cho Ngân hàng. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình của ông T1 khó khăn nên ông T1 xin phía Ngân hàng tạo điều kiện giảm lãi cho ông T1.

[7] Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng của ông Nguyễn Hữu T1 ký với nội dung yêu cầu Ngân hàng Thương mại Cổ phần S phát hành thẻ với hạn mức tín dụng là 19.000.000 đồng. Từ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã cấp thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Hữu T1 với hạn mức tín dụng là 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng). Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, nhiều lần Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Hữu T1 thanh toán nợ nhưng ông Nguyễn Hữu T1 không thực hiện, do đó ngày 11/10/2023, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

[8] Căn cứ vào các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ ký giữa ông Nguyễn Hữu T1 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 và các Điều 91 và Điều 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đối chiếu quy định như trên thì yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S buộc ông Nguyễn Hữu T1 phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 05/5/2026 là: 448.421.698 đồng (bốn mươi tám triệu bốn trăm hai mươi một nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng) trong đó: Nợ gốc : 21.078.060 đồng; Lãi quá hạn: 27.343.638 đồng. Đồng thời, buộc ông Nguyễn Hữu T1 có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 06/05/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[9] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với ông Nguyễn Hữu T1. Buộc ông Nguyễn Hữu T1 phải trả ngay một lần cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền tạm tính đến ngày 448.421.698 đồng (bốn mươi tám triệu bốn trăm hai mươi một nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng) trong đó: Nợ gốc: 21.078.060 đồng; Lãi quá hạn: 27.343.638 đồng.

[10] Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 có quy định “Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Hữu T1 tiếp tục chịu lãi phát sinh tại hợp đồng sau khi xét xử là có cơ sở chấp nhận.

[11] Về án phí: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Nguyễn Hữu T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 2.421.085 đồng (hai triệu bốn trăm hai mươi một nghìn không trăm tám mươi lăm đồng); nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Điều 117, Điều 463; Khoản 1 Điều 466; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu T1 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

2. Buộc ông Nguyễn Hữu T1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng cộng số tiền tính đến ngày 05/5/2026 là: 448.421.698 đồng (bốn mươi tám triệu bốn trăm hai mươi một nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc: 21.078.060 đồng; Lãi quá hạn: 27.343.638 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 06/5/2026) ông Nguyễn Hữu T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán,

theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Nguyễn Hữu T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 2.421.085 đồng (hai triệu bốn trăm hai mươi một nghìn không trăm tám mươi lăm đồng).

- H lại cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 974.419 đồng (chín trăm bảy mươi bốn nghìn bốn trăm mười chín đồng) theo biên lai thu số 0004926 ngày 15/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Cơ

